

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5

(Phần đầu)

Đại chương Lưu thông có hai:

Một là giải thích tên phẩm Bốn vị Trời, có hai:

- Nhân duyên giải thích, có hai:

- Y theo chỗ mà giải thích người, có hai:

1. Nói về chỗ hai mươi tám tầng trời đều bay lên, đây là đứng đầu. Trời chia ra ở ba cõi, ở cõi dưới thì đây là thứ nhất, ở nửa núi Tu-di là chỗ nương của sáu tầng trời cõi Dục.

2. Hai là trời ở trên núi, trời Đạo-lợi ở trên đỉnh, trời Tứ vương ở giữa núi. Tiếng Phạm gọi là Tu-di, Hán dịch là Diệu Cao. Từ mặt nước vọt lên cao tám mươi bốn ngàn do-tuần, cấu tạo bằng bốn chất báu. Hai là từ Đông Hoàng v.v... trở xuống là nêu ra người. Trì quốc là giữ gìn cõi nước. Càn-thát-bà, Hán dịch là Tâm Hương Hành, là Thần âm nhạc của Thiên đế. Phú-đan-na, Hán dịch là Xú (mùi thúi) là loài quỷ cao nhất trong các loài Ngạ quỷ. Hoặc gọi là quỷ chủ nhiệt bệnh. Tăng trưởng là làm cho gốc lành của mình, của người đều thêm lớn. Cưu-bàn-trà, Hán dịch là Ung hình (hình cái lu), lại dịch là Đông qua, là quỷ yếm my. Tiết-lệ-đa, Hán dịch là Tổ phụ quỷ, là loài quỷ kém nhất trong các loài ngạ quỷ. Tạt Ngữ là có khả năng làm các thứ tiếng. Tỳ-xá-xà, Hán dịch là quỷ ăn tịnh khí người, ăn thịt người và năm giống lúa gạo, tịnh khí cũng gọi là Diên Cuồng. Tỳ-sam-ôn, Hán dịch là Đa Văn, có phước đức vang khắp bốn phương. Dạ-xoa, Hán dịch là Khinh Tiệp, bay trên hư không rất nhanh. La-sát, Hán dịch là khả úy, cũng dịch là Bạo Ác.

- Từ: Thử tứ trở đi là ý nói Phẩm đến.

Giải thích quán Hạnh, ba thứ pháp quán đều (nhờ ở Sự), vì cảnh trí mỗi cảnh nhờ Sự mà lập. Phải biết giá Sự phần lớn đều gồm Pháp Tướng. Như thành Vương xá mà quán năm Ấm, núi Kỳ-xà-quật mà biểu ba Đức, năm và ba này nào khác bốn đế. Nhưng đây là nhờ việc nương giá cảm ứng, mà nói về Cảnh quán, chia làm hai: 1- là Bày tướng quán.

Từ bốn đế bốn trí cho đến đế trở xuống v.v... đều nói về Kiến tư, giáo nào chẳng nói. Nay giải thích nghĩa giáo đã chỉ y theo Viên, cho nên chỗ nói quán chẳng liên quan đến ba giáo. Bốn vị trời là biểu thị cho Đế lý Vô Tác, bốn Vương biểu thị cho Diệu Trí Vô Duyên. Chiếu (xét) Sự tức lý thì gọi là cảnh hộ đế, thoát khỏi trói buộc được giải thoát gọi là Hộ tâm sở, nói cho người nghe thì gọi là Hộ Thế. Kiến Tư Chung Riêng đồng thể là chương gọi là quý thân. Pháp Hoa chỉ đây v.v... là đều hơi khác. Dùng quý thân để dụ cho năm lợi, và lấy chim sâu để dụ cho năm Độn nay thì lợi độn đều giống như quý thân, chỉ lấy phần đồng.

- Nếu không v.v... trở xuống là nói lợi ích, mà trước nói chẳng quán có tổn, xâm hại Tâm Vương Diệu Trí chẳng phát, cảnh giới hủy tổn Đế Lý chẳng bày. Tâm vương đều tan là bày mê ba đức mà thành ba Chương, tuy nói ba Chương mê do phiền nào. Cho nên nói đều bị quý thân làm nã. Năng quán trở đi chính là nói quán có ích. Vô minh tức minh là Trí năng quán. Quán này quán khổ sinh tử tức là Niết-bàn, quán này quán tập phiền não tức là Bồ-đề. Khống Ngự v.v... là bất động các kiến mà tu Đạo Phẩm, chẳng dứt si ái mà khởi các minh thoát, khống ngự như thế đâu riêng chẳng bị xâm hại, mà hiển Lý đủ đức. Hiển Lý cho nên Đế cảnh nước yên, đủ Đức cho nên tâm sở dân yên. Vì chuyển tám muôn trần lao thành tám muôn Định tuệ. Tự làm thông suốt đã như thế thì khiến người khác tu chứng đâu chẳng như thế ư? Mượn Sự của Hộ Thế Vương mà tu quán được lợi ích thì tướng nó tóm lược như thế.

- Giải thích mười ba phẩm Văn kinh, có hai:

- Lập ý chia chương, có hai:

1. Lập ý. Quý là cuối, là che chương.

2. Hễ là v.v... trở xuống là chia chương, có ba:

Một là khai lưu thông bảy chương. Phương quỹ là phương pháp, khôn phép.

Hai là Thiên Vương trở xuống là nêu Thiên Thần năm đoạn, vì vị đất màu mỡ thỉnh nên chỗ nói chỗ. Cao du là ruộng đất tốt. Sử ký chép: Đông là vùng đất màu mỡ là đó. Du trở xuống phần nhiều là chữ vị. Lại Thiên Vương trở xuống là từ Tăng Thắng mà nói đủ mỗi vị đều có năm khả năng.

Ba là Bốn vị trời v.v... trở xuống chỉ phẩm này sáu phen.

Kế là chánh thức giải thích văn kinh, lại có:

- Đoạn chia làm năm:

- Lại chia làm sáu:

- Là nói lại khả năng Hộ quốc, có hai: một là bốn vị trời bạch

Phật, có hai:

1. Là kinh gia nêu trước. Thiên Vương Bắc phương, là Tây Trúc đệ tử đến phải vén y bày vai phải để nói lên sự làm việc.

2. Chính là bạch Phật có hai, một là chia văn lập Nghĩa.

- Pháp Tánh trở xuống là dùng nghĩa giải thích văn, lại có:

- Khen kinh, có:

1. là Khen lễ, chỗ che chở của Phật vô lượng sâu xa. Ngang nhiếp khắp pháp, đọc thấu hết pháp. Lý chẳng như thế đâu gọi là Kinh vua.

Hỏi: Văn nói lý này nên gọi là Kinh vua. Ấy thì Văn kinh chỉ là Năng Thuyên, còn vua chỉ ở Lý, giải thích tựa đề sao văn gọi là Kinh vua, giáo nhiếp các sách, chỉ văn chỉ Lý hai chỗ khác nhau làm sao hòa hợp?

Đáp: Nếu ba giáo trước Văn Lý chẳng hợp thì đây là ngại. Nay là từ Viên pháp đều chẳng hai. Ngoài văn không có lý, ngoài lý không có văn. Giải thích tựa đề nêu văn. Nếu đứng riêng thì đâu gọi là vua. Sở này chỉ ra lý mà không nhiếp văn: dịch ra thuộc giáo trước, tín văn lý hợp, kinh này là vua Nghĩa rất sâu mầu không thể dùng tình mà cầu. Nay Kinh Vương Khen Thể không khác với phẩm Tựa.

2. Y theo Thể trở đi là khen tông kinh. Y theo thể mà tu hành thì Thể là Bản giác khởi thành tử giác, mới được gọi là y theo thể tu hành. Thể đủ hai nghiêm nhân quả của cõi Phật, toàn thể thành tu hai nghiêm vô tác, gọi là không trang nghiêm mà trang nghiêm. Nay dùng hai nghiêm của cực quả làm Tông kinh. Thế thiên hạ chép: các trời bao gồm đây có ba. Nhưng lẽ ra có bốn, e văn nói lầm, hoặc có thể Thiên vương vốn là sinh Thiên cho nên Sở chẳng nêu. Tên bốn vị trời này nghĩa trích từ Đại Kinh. Phẩm Đức Vương nói: một là trời thế gian, như là vua các nước, hai là sinh thiên, là từ Bốn vị trời cho đến Phi phi tướng, ba là Tịnh thiên, tức là bốn quả Bích-chi-Phật, bốn là Nghĩa thiên, là Bồ-tát Thập trụ, vì thấy tất cả pháp là nghĩa không. Đại Luận nói có ba thứ Thiên: một là giả danh Thiên, tức là Thế Thiên (tức các vua chúa thế gian), hai là sinh Thiên, ba là Thanh tịnh thiên, cho nên gồm cả ba thừa.

3. Lại trở xuống: là sau khen dụng của kinh, trên đến Bồ-tát, kinh không nói Bồ-tát. Đã nói diệt tất cả khổ não của chúng sinh, thì chỉ có cả chín cõi, mới gọi là tất cả. Văn kinh có bốn: 1- Thiên thú (cõi trời) đem đến cho chúng sinh vui sướng, là chúng sinh ở trên cõi trời. Kế kinh này trở xuống là nói ba đường ác. Ba đường các sông chìm đắm cũng như sông lớn. Đốt cháy khô cạn, là dứt khổ ba ác. Có trải qua trên khô

cạn lại thêm hai chữ khiến cho là sai.

- Dứt trừ sợ hãi. Ấy là cõi người. Trước nói tất cả sợ hãi là gồm chung. Kế nói phá riêng ba chướng ác. Ba tai là báo chướng, kẻ thù tức là đao binh đều đối khát, dịch bệnh là ba tai. Sao xấu là nghiệp chướng, nghiệp đến đòi quả báo cho nên sao xấu hiện ra. Ưu não là chướng phiền não.

- Toàn thể v.v... trở xuống đều chỉ cho chúng sinh chín cõi.

- Theo Thế v.v... trở xuống là nói về năng hộ, có hai:

1. Chia văn.

2. Hộ quốc v.v... trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: một là trong đem pháp hộ trì nước, có bốn: một là lý do hộ quốc, hai là dùng pháp hộ quốc, tức là nói lý do hộ quốc, không có pháp làm sao hộ trì cõi nước được, mà lý do thì có trong, có ngoài. Ngoài là Thế pháp, trong là Tâm pháp. Nếu chỉ làm và nói pháp thế gian thì kinh này chẳng phải là giáo phương Đẳng. Thiên Vương toàn là tâm miệng phàm phu, cần phải biết văn văn đều có ý nghĩa thế gian và xuất thế gian. Chỉ vì câu này hiển bày nghĩa bên trong tiện lợi cho nên nói tương ứng với quán tâm. Như phẩm Tán Chi quý thần ở dưới. Và Thuận pháp thế gian mà bàn luận, cho đến tự thuật lý do có tên ấy, thì toàn là bỏ sự mà hiểu, cho nên nói hiện thấy Trí cảnh không thể suy nghĩ bàn luận, quang trí không thể suy nghĩ bàn luận. Cho đến nói ta có thể an trụ trong tất cả pháp như tánh. Đối với tất cả pháp gồm thọ tất cả pháp. Cảnh trí như thế nên gọi là mật, mới có khả năng bên ngoài hiện quý thần Đại Tướng, đâu chẳng phải có lý mật rì. Nay văn kinh tuy chẳng hiểu rõ, nhưng Đại Sư đặc ý, bèn dùng pháp hành nói để trí mà làm lý do hộ trì an dân. Tâm sở chẳng hành v.v... toàn thể tâm, tâm sở pháp tức là phương tiện Bát-nhã. Tâm Vương tà vạy cho nên thường hành cảnh tà. Nay vua đã chính là dẫn dắt khiến chẳng làm, thì chẳng làm mà làm, làm sâu Bát-nhã đến bờ kia. Ba trời cùng đẳng hộ quốc, ý đồng với vừa nói. Đẳng nghĩa là bè đẳng, tức là tám Bộ, Đẳng là bọn, soái là dẫn. Như vua Chuyển luân v.v... trở xuống là giải thích sự. Dụ Luân vương hàng phục bốn phương với Thiên vương ngăn các ác quỷ. Bảy báu tức là xe voi ngựa, con gái, châu báu, quan, binh. Bốn là mắt Trời Hộ quốc, vì quả báo được mắt Trời không phải do tu mà được. Được thân trời thì mắt thấy suốt không bị ngăn che. U là tối, Chúc là chiếu sáng, là mầm hạt giống mới phát. Đổ là lấp, nghĩa là dùng mắt Trời mà chiếu suốt để phòng mầm mống gốc họa, lấp ngăn các nguồn ác.

- Từ nếu v.v... trở xuống là ngoài dùng sách hộ quốc, có hai: một

là nêu khoa nói ý, hai là nêu khoa. Hai là nếu v.v... trở xuống là nói ý. Có ba: một là nói khuyên nghe nhân duyên hòa hợp. Có hai: một là khuyên pháp Sư làm duyên bên ngoài. Mặt trời mọc buổi sáng: Nhĩ Nhã nói: Sơn Đông gọi là Triệu Dương, Sơn Tây gọi là Tịch Dương. Phân là khí xấu. Lã Thị Xuân Thu nói: Đông đến Hạ thấy hơi sương mù mịt. Xuân Thu Nguyên Mạng Bao nói: Sương mù là khí âm dương. Âm Dương giận thì làm gió, loạn thì làm sương mù. Nay dụ mặt trời mọc cho hoàng kinh, khí xấu mù hết là dụ cho ba tai tiêu hết.

- Kế là vua v.v... trở xuống là khuyên vua nên tự nội nhân. Bình pháp, bình là cầm, nắm giữ, một người tức là vua. Khánh là Thiện. Vua có Thiện thì có dân ở khắp nơi. Thị là cậy nhờ. Tức Thượng Thư nói: một người có điểm lành thì dân nhờ. Cho nên Vua nhận sách (pháp) ấy, mà trị nước yên. Kinh nói đói kém, Nhĩ Nhã nói năm giống thóc không mọc nên đói, rau cải chẳng chín nên đói rau. Quốc ấp quận huyện, vua chế rằng ở trong bốn biển, chín châu vương ước ngàn dặm. Một Châu lập ra có nước một trăm dặm, hoặc nước ba mươi, bảy mươi dặm, hay nước sáu mươi, năm mươi, hai mươi dặm gồm có hai trăm mười nước. Gồm chín châu, có một ngàn bảy trăm bảy mươi ba nước. Xuân Thu Tả Thị Truyện nói: Ấp có miếu hoang thờ các vua trời trước thì gọi là Đô (kinh đô), không có tông miếu thì gọi là ấp. Lại nói Thượng đại phu cai trị là huyện, Hạ đại phu cai trị là quận. Hai là khuyên cung cấp bốn chúng nhân duyên. Kinh nói Ưu-bà-tắc, Hán dịch là Cận sự nam, Ưu-bà-di, Hán dịch là Cận sự nữ. Để thành tựu giới có thể kham việc gần gũi phục vụ hai chúng xuất gia. Lưu diễm là diễm đạt. Ba là khuyên nhân duyên Năng tán và Sở tán. Đức hạnh của Tiên Vương, tức là hạnh đạo đức của Tiên vương. Nếu làm ở thân thì có thể là nghi phạm phong tục. Lời pháp tức là lời nói lễ pháp của bậc Thánh trích từ các điển cáo. Nên nói từ miệng thì có thể để dạy người dân. Vua đã không theo đây cho nên dân trong nước không nghe theo lệnh. Nước gần không khen ngợi Đức. Nay khuyên v.v... trở xuống tức là khuyên vua trọng Đạo tôn Sư, tu công sửa lỗi. Thân ý cung kính khuyên nhường tự chần dặt mình, tức là thực hành đạo đức. Khen ngợi ở miệng tức là pháp ngôn Điển ngữ. Phù cao v.v... trở xuống là nói ý khiêm nhường. Vua cao mà dân thấp làm nước, là lấy người làm gốc, phải hết lòng mà khiến nhóm họp. Nói lấy mọng làm thầy. Nội là nội chiếu biết xét thanh tịnh, nên ngoài thì dứt căng sức, tức đại biện nhược nội, cho nên hay vì tục mà nói nhỏ là thầy. Bình thường tu thân trị nước mà còn như thế, huống chi nay hỏi pháp xuất thế, cầu phước cho người dân đâu được chậm trễ kiêu mạn

ư? Nho lễ thờ ba lão huynh như cha, sự năm canh Khuất vương tôn kính làm thầy. Nho Thích một mối.

Văn Tâm Điều Long của Vũ Hịch chép: Hịch là kiêu (sáng tỏ), nói bày ra ngoài cho sáng tỏ. Hoặc gọi là Lộ bố, vì lộ bày trên bảng, không đóng kín để khắp thấy nghe. Nhan Sư Cổ chú Hán Thư Cao Kỳ nói: Hịch là dùng thẻ gỗ mà viết dài một thước hai tấc dùng để trưng triện (sai khiến, mời gọi) nếu có việc gấp thì cắm thêm một lông chim để bày việc nhanh gấp. Nay nói Vũ Hịch gọi là khen tức là dùng văn từ mà nói cho thật sáng tỏ rõ ràng. Nhĩ Nhã nói: ngung ngung ngang ngang là nói lên đức của vua rõ ràng. Luận ngữ nói Đức phong của quân tử, Đức Thảo của tiểu nhân. Gió trên cỏ thì rạp, thảo lại là cỏ lê.

- Là Dụng giải thích văn, có ba. Phải lấy ý trên đối kinh mà giải thích nên nói có thể thấy.

- Như lai thuật lại thành tựu, có hai: một là chia văn, hai là bốn vị vua Trời v.v... trở xuống là giải thích nghĩa. Có hai:

1. Hợp thuật khen kinh. Bốn vua khen Thế, Tông, Dụng của kinh, đã hợp Phật chứng ba đức diệu lý, cho nên thuật thành. Các Phật từ pháp ấy mà sinh. Ba thứ Thế, Tông, Dụng đã là pháp tánh, đâu có một Phật chẳng từ đây sinh.

2. Từ đây v.v... trở xuống là nói về năng hộ quốc. Có hai:

Một là chia văn.

Hai là Pháp hộ v.v... trở xuống là giải thích nghĩa, lại có:

- Nói về pháp Hộ quốc, gồm có:

1. Là nói lý do Hộ quốc. Phát tâm rốt ráo là xưa gieo trồng gốc lành là phát tâm, nay nghe kinh được ít là rốt ráo.

2. Là tâm so sánh giống ấy xưa thật khó cho nên Phật thuật lại thành tựu, khen ngợi hạt giống xưa. Song các lời phát tâm này tức là Đại Kinh Ca-diếp nói kệ khen Phật. Cho nên Phật sơ tâm chỉ dùng lời ấy để thành ý nay. Hộ Thế v.v... trở xuống v.v... là đây tương ứng với quán Tâm như nghĩa trước đã nói.

3. Từ ông v.v... trở xuống là siêu thuật Thiên đấng Hộ quốc.

4. Từ ông v.v... trở xuống là truy thuật Thiên Đấng Hộ quốc.

- Từ ông v.v... trở xuống là nói Trí Nhân Hộ quốc. Trước nói sách, nay nói Trí Nhân, cùng thấy văn sách ấy tức Trí mưu. Trí năng soi sáng gọi là nhân. Nói hòa hợp tức là trước nói trong nhân ngoài duyên. Nhân duyên hòa hợp sau mới cầu tai ác tiêu trừ v.v... là trước bạch Phật thì ba đoạn riêng sáng, nay thì một phen thuật chung để bao gồm riêng trước. Phen thứ hai bạch Phật nói về việc hộ quốc. Có hai:

1. Chia văn.

2. Đây là v.v... trở xuống là giải thích nghĩa. Có hai: 1- là bạch Phật, có hai:

Một là vua vâng pháp người trời trừ tai ương. Kinh nói luật trời trị đời. Sự xưa trị dân tức là trời hành hóa, phạt thì đúng tội, thưởng thì đúng công gọi là luật trời. Nước gần và binh trời khiến cứ lùi. Xích là đuổi. Kinh nói bốn binh là voi, ngựa, xe, bộ. Qua lại thảo phạt, quy là cầu. Thảo là giết. Truyện so sánh rằng có chuông trống gọi là phạt. Chiết là làm nhục. Đưa ra vàng mà chuộc lỗi. Về quân là mười hai ngàn năm trăm người gọi là quân. Vua có sáu quân, chư hầu có ba quân.

Hai là Phật thuật lại thành tựu, gồm:

1. Nêu khoa.

2. Từ đây v.v... trở xuống là tùy giải thích. Có hai: một là thuật lại thành tựu ý trước. Không đấu tranh kiện tụng nhau gọi là Tăng, không đấu tụng tức là hòa hợp. Hai là thuật lại thành tựu ý sau, có hai: một là chánh dùng đẳng từ mà nói cứ lùi. Dụ là an.

3. Lại khuyến v.v... trở xuống là khuyên các nước đều giữ bốn nghiệp. Tham xí, xí là trông mong. Phật bảo Đế Thích. Là Văn Đại Kinh. Kinh Sở Thát, Sở là một hình phạt đánh bằng gậy. Thát là đánh. Quảng Nhã nói ốc thấp là tốt đẹp, cũng là nhu, là đất tốt. Thời tiết chẳng vượt thứ lớp là bốn mùa điều hòa. Tâm không tham tiếc. Vì không tham nên chẳng cầu nhiều, không tiếc nên thường bố thí. Hậu phi thể nữ: Vua có một Hoàng hậu, ba phu nhân, chín tần phi, hai mươi bảy thế phụ, tám mươi một ngự nữ. Phong tục nói chung Thể nữ là chọn các cô gái có nhan sắc. Phen thứ ba bạch Phật, bày các khuôn phép, có hai: một là chia văn, hai là giải thích văn nghĩa, có hai: một là nêu nguyện, muốn có sáu văn như Sở trình bày. Hai là bày các khuôn phép, có sáu mỗi thứ đều như sở nêu. Trên sáu nguyện bá lương là tên Điện đời Hán. Lửa trời gọi là tai. Nhà Hán lấy cái đuôi con cá si dưới biển để cúng tế điện, lấy xương sống để cầu giảm tai ương thì tai ương liền dứt. Đời không biết lý do bèn gọi là Si vẫn. Tám hoành là tám phương. Hưu là tốt, đẹp. Tự lệ là khuyên mình cố gắng. Bốn biển, Bắc Vật Chí chép: Trời đất bốn phương đều là biển nước thông nhau, đất ở giữa không có bao nhiêu, bảy Nhung sáu Loan chín Di tám Địch hình loại khác nhau, gồm chung mà nói. Nghĩa là bốn biển đều nói ở gần biển. Kế là Phật v.v... trở xuống, là thuật lại thành tựu, có hai: một là chai văn lập ý.

- Phật bảo v.v... trở xuống là dùng ý giải thích văn, có hai: một là thuật riêng, có hai: một là thuật thành sáu pháp, có sáu: một là thuật

thành phương pháp an thân. Vũ Nghi, Hán Thư Cao Kỳ nói: Kỳ Tín ngồi xe vua Hoàng ốc tả? Man chú rằng: Dùng lụa vàng bao bên trong, là mao vũ tràng. Tại thừa dư xa hành tả phương thương chú thích. Thái Ung nói đuôi con trâu Ly làm như cái đấu, hoặc ở đấu, hoặc ở đầu phi, hoặc ở tại Hành. Vì là mao vũ tràng làm nghi trượng của vua, nên gọi là Vũ nghi. Kinh nói Cung xuất. Cung là thân.

- Từ lại v.v... trở xuống là nói về thuật lại thành tựu phương pháp an quốc. Nạn sinh tử như thế. Kiếp số như thế gặp Phật.

- Nói lại thành tựu phương pháp làm yên ổn vợ con.

- Nói về thành tựu phương pháp làm yên Vương lãnh.

- Từ thường v.v... trở xuống là thuật lại thành tựu phương pháp cung điện.

- Từ tại v.v... trở xuống là thuật lại thành tựu phương pháp nhiếp phước.

- Từ ông v.v... trở xuống là thuật lại thành tựu sáu nguyên dục. Sáu đoạn như sơ nói. Bình khí gai góc.

- Từ ông v.v... trở xuống là thuật chung bạch Phật là thứ tư bạch Phật, thứ tư nêu câu yếu pháp lợi, có hai:

1. Chia văn, từ cuối đoạn thứ ba, do trước Thế Tôn thuật lại thành tựu rằng phải trở về đây được phần công đức tối thắng cho các ông và các quyến thuộc. Bốn vị vua do đây bèn cầu ích của yếu pháp lợi.

2. Giải thích nghĩa. Có hai: một là bạch Phật, có hai:

Một là Nhân Vương vận tâm.

Hai là Nhân Vương v.v... trở xuống là tướng cõi trời hiện ra. Có hai: một là giải thích thờ vua đến chỗ Kim quang là tâm tồn, tức ba trí Kim quang minh đến chí Điển tức là ba đế Kim quang minh. Trí đế hợp thì khởi sự dụng Kim quang minh. Vì sắc tâm chẳng hai nên hương về Trí hồi thí khắp trở xuống, là ý Thiên vương nói: Nếu dùng pháp lợi mà thí cho chúng ta thì chúng ta đều được. Cho nên dùng ánh sáng chiếu sáng cung trời làm tiêu biểu. Rộng cũng thuộc súc sinh, đối với trời và quỷ thành ba pháp giới. Nói pháp giới là nay từ giải thoát. Hương được đốt chẳng phải là pháp giới làm sao có thể trùm khắp. Thể của ba đường chẳng phải là pháp giới thì làm sao thọ nhận được .

- Quán giải thích chỗ nói trên, tuy nói Đế Trí cũng là y theo giáo, bày lực dụng của kinh, không nói về quán hạnh. Nay chỗ luận nghiên tâm khiến quán đến lý. Cho nên Kinh Khê nói. Bàng tuy lâu xa, Viên Đốn tuy Thật, Đệ-nhất-nghĩa tuy Lý mà thấy quán thuộc về Sự. Ở đây là mượn sự quán tâm, nhờ nghĩa thành hạnh.

- Trí diệu giải như lửa năng đốt, ba đế dung tâm như hương lia mùi hôi, khởi ba học hạnh như khí nhân luân vì chân bản giác chiếu, nên gọi là Kim quang vì hạnh ngằm chân nên vô ngại mà chiếu, chỉ hện quán hạnh khế với Kim quang minh. Công dụng tự nhiên tướng cùng khắp sa giới. Chỉ cốt tướng hợp, nội quán chẳng tu, tâm duyên năm trần ma được dịp làm hai, hãy cẩn thận, cẩn thận.

Kế là Phật trình bày, có hai: một là nêu khoa, hai là tùy giải thích. Có hai: một là thuật thành Hương quang trùm khắp. Kinh nói Ma-hê-thủ-la, Hán dịch Đại Tự Tại Kim cương Mật Tích. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Xưa có vị vua, phu nhân sinh ngàn người con muốn thử ở đương lai thứ lớp thành Phật, cho nên Câu-lưu-tôn được thể thứ nhất, Thích-ca được thể thứ tư. Cho đến Lâu-chí được thể thứ một ngàn. Phu nhân thứ hai sinh con, người thứ nhất nguyện làm Phạm vương thỉnh ngàn người anh xoay bánh xe pháp, người thứ hai nguyện làm thân Mật tích kim cương, giúp ngàn người anh truyền trao giáo pháp. Đời truyền Phật Lâu-chí hóa thân là không đứng, đó chính là vương tử Pháp Ý. Y theo kinh chỉ một người nay thờ ở trước cửa chùa mà thành hai tượng. Phàm ứng biến vô phương nhiều cũng không lỗi. Ma-ni-bạt-đà, Hán dịch là Oai Phục Hành. A-nậu-đạt, Hán dịch là Hàm Hải (biển mặn). Kinh nói một trăm bá ức trời Phi phi tướng, trăm ức tức là đại thiên thế giới, chỉ đồng một Tứ thiên và bốn Vô sắc. Tam thiên thống lãnh trung thiên giới, nói theo đại thiên thì có một ngàn Tam thiên. Nhị thiên thống lãnh tiểu thiên thế giới thì có một trăm muôn Nhị thiên. Chỉ bốn châu đến Sơ thiên thì có một trăm ức. Nay Phi tướng cũng nói một trăm ức. Trở xuống trông lên mà nói. Lại sợ là dịch sai. Vì Nghĩa Tịnh dịch lại không có chữ trăm ức Phi tướng.

Kế nữa là Từ các v.v... trở xuống là thuật lại thành tựu Thí thiện hộ tán, có hai: một là khen nhân, hai là khen quả. Khéo Năng v.v... trở xuống là phá hoại ngoại đạo, hàng ma oán là xoay bánh xe pháp. Đây đều là việc trên quả như kinh Thụy Ứng nói rộng. Bạch Phật lần thứ năm là nêu Hưng suy. Có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa. Có hai: một là bạch Phật, có ba: một là nêu Hưng mà khuyên, có bốn: một là nói về mở rộng kinh, bốn vua nghe nhận. Ba là Đại phạm v.v... trở xuống là nói Thích phạm tám Bộ đều nhóm họp. Kinh nói Thích Đề-hoàn Nhân, gọi đủ là Thích-ca Đề-bà Nhân-đạt-la, Hán dịch là Năng thiên đế.

- Thế Tôn v.v... trở xuống là nói vua cõi người Thiện tri thức.

- Vị ngọt v.v... trở xuống là nói được lợi hộ quốc càng siêng.

- Kế nêu Suy mà khuyên, có hai: một là chia văn, hai là giải thích theo văn, có bốn: một là nói: Trời mất Pháp thực, hai là nói trời thần lìa bỏ, ba là nói ác quỷ gây tai ương. Kinh nói Lưu Tinh. Tinh nói rằng mất dấu mà đi là bôn tinh, dấu sáng liền nhau gọi là lưu tinh. Bạc thực: Xét Hán Thư Thiên Văn Chí nói làm nhật nguyệt bạc thực. Mạnh Khang chú rằng: Mặt trời, mặt trăng không có ánh sáng gọi là bạc. Vi Chiêu nói khi đến bức ép là bạc, thiếu mất gọi là Trùng. Kinh Phòng Dị truyện chép: Nhật nguyệt đỏ vàng là bạc. Thích Danh chép: Nhật nguyệt thiếu là trùng. Nghĩa là nói bị ăn dầy như sâu ăn lá cây. Hồng (sáng trời, cầu vồng): Nhĩ Nhã nói Điệp Lan là Hồng vậy. Nhĩ Nhã Âm Nghĩa nói: Cả hai vùng hiện ra tươi đẹp là Hùng tức là Hồng. Tối tăm là Thư, thư tức là nghệ. Giang Đông gọi là giáng, tục gọi là người đẹp, Thích Danh nói Hồng là đánh, nghĩa là thuận Dương Công đánh âm. Bốn xoay vẫn thành tai.

Kế là Chánh khuyên, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích, có sáu: một là muốn được hiện lợi, hai là trời ưa thích pháp thực, ba là nêu ra lỗi, bốn là Vi-đà, tức sách vở người ngoài. Kinh Ma-đăng-già nói: có người tên là Phạm Thiên soạn một Vi-đà, kế có Tiên tên Bạch Tịnh biến thành bốn: một là Tấn Tụng, hai là Tế Tự, ba là Ca vịnh, bốn là cúng tế trừ tai. Kế có người tên Phất-sa có hai mươi lăm đệ tử, đều một Vi-đà, có khả năng phân biệt rộng, bèn thành hai mươi lăm Vi-đà. Người kế tên là Anh Võ, người kế tên là Thiện Đạo và đệ tử dần dần thêm rộng nhiều xoay vẫn mở mang có một ngàn hai trăm lẻ sáu Vi-đà. Nay nói bốn là theo cội gốc làm tên, đều là nói Phạm Sự xa lìa dục nhiễm, cho nên gọi Phạm Thiên nói là xuất dục luận. Luận Tỳ-già-la đây gọi là ký luận, Bà-ni-ni soạn ra, nói các thứ kinh sách và các lời tạp. Lại gọi là Tự Bản. Hà Tây nói là gốc văn tự của thế gian, nói về điển tịch âm thanh, nói thông bốn biện, quở trách thế pháp, khen ngợi Pháp xuất gia, lời lẽ thanh nhã, nghĩa lý sâu xa. Tuy là ngoại luận mà không tà pháp, chẳng phải là Đại sĩ Thiện quyền soạn ra. Tăng-khư, Hán dịch là Số Luận, các pháp từ số mà khởi, vào kiếp sơ do Tiên Hoàng Đầu soạn ra. Vệ-thế-sư, Hán dịch là Thắng Luận, nghĩa là hơn hết trong các luận về Thắng nhân soạn ra. Lạc-sa-bà, Hán dịch là khổ hạnh, chưa biết có ở đời lúc nào, lấy tên người mà gọi tên luận. Ba là vị Tiên này nói không có lậu tận thông, chỉ có năm Thông. Bốn là trước sau được lợi ích. Do Đức Như Lai Chánh Biến Tri nói là hiệu thứ hai trong mười hiệu. Năm là giáo chủ cao quý. Kinh nói vì năng lực Đại Bi nên bình đẳng, dùng Vô duyên đại bi mà che phủ khắp pháp giới. Vượt hơn bốn

Đẳng tâm v.v... của Phạm vương dùng khổ hạnh khó nghĩ bàn chứa nhóm từ nhiều kiếp mà lợi ích chúng sinh, cho nên vượt hơn nhân mười điều lành của Đế Thích v.v... Sáu là gốc của các pháp. Kinh nói tất cả chúng sinh bình đẳng là: Thế gian thì có năm giới, mười Thiện, mười hai môn Thiên v.v... Xuất thế gian là pháp môn bốn giáo ba thừa tu chứng. Quốc Sự là các việc lễ nhạc chinh phạt trị đời nuôi dân. Soạn Thế Luận là ba luận như trên và chánh luận v.v... Đều do kinh này là ba thứ kinh giáo, hạnh, lý. Cho nên bản mới dịch nói muốn sinh lên cõi người, cõi trời, muốn được bốn quả Bích-chi-phật, muốn được thành Phật đều y theo kinh này. Sáu hồi diệt chướng mới được thành tựu, nếu nắm lấy hóa ý, tức là đối với Nhất Phật thừa mà chia ra nói ba, chỉ vì kinh này thuộc giáo Phương đẳng, cũng thuộc về Thông lý, nên ở đường người chưa thoát khỏi đường khác, muốn cho bình đẳng nói tùy năm thừa mà được an vui.

Phật nói có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích, có hai: một là nêu hưng suy mà khuyên, hai là chánh khuyên. Thứ sáu là nói kệ khen đức, có hai: một là chia văn, hai là Phù có ba, v.v... trở xuống là giải thích nghĩa, như sau:

- Là nói kệ khen, có ba:

- Khen ba thân, lại có:

1. Y hiện văn riêng đối ba thân. Không là pháp thân: Kinh chẳng có chữ không, vì mặt trời, mặt trăng phải nương trên hư không. Lại văn sau nói: Chân pháp thân của Phật cũng như hư không. Thế nên Số dùng ba thứ Không, Nhật, Nguyệt đối với ba thân. Không chẳng có tối vô minh, Nhật nguyệt cùng nương là dụ riêng cho thể pháp thân vốn trùm khắp. Mặt trời có công năng phá tối dụ riêng cho Báo thân dứt hết ba hoặc. Mặt trăng (Nguyệt) tròn khuyết nên dụ riêng cho Ứng thân tùy cơ hơn kém. Đây là riêng đối với viên dung ở dưới mà làm gốc.

2. Thông ý v.v... trở xuống là dùng nghĩa dụ có cả ba thân, có hai:

1. là dụ Hiện Viên, nếu dùng ba dụ riêng đối với ba thân, thì sợ nói ba thân thể nó cách lìa. Cho nên nay dùng việc năng dụ, nghĩa nó không hạn cục, mỗi dụ đều có đủ ba nghĩa. Như dụ mặt trời, trên phải nương hư không, dưới phải hiện trên nước. Ba nghĩa này thì hiện Báo Trí Viên Cụ ba thân. Đây thì ba Bát-nhã nói ba thân. Dụ mặt trăng cũng thế, có thể hiển Ứng dụng đầy đủ ba thân. Ở đây thì ba Bát-nhã nói ba thân, hư không rộng lớn là khoảng không mặt trời nương, mặt trời trên trời, mặt trời đáy nước, đương thể đều ở trong như hư không, ba thứ

không này hiển bày pháp thể đầy đủ ba thân. Mặt trăng cũng thế. Mặt trăng nường trên hư không, mặt trăng trên trời, mặt trăng đáy nước cũng đều ở trong hư không, cũng nói lên pháp thể đầy đủ ba thân. Không khắp mặt trăng, mặt trời hai nói ba thân, bèn y theo Song chiếu Trung đạo mà hiển bày. Đây thì ba quẻ mà nói về ba thân.

2. Y v.v... trở xuống là dùng kết văn mà bày, đây là văn kết khen: hễ nêu ba dụ là lửa mặt trăng chiếu hóa, ba sự nghĩa này đều hợp đủ ba. Như dụ mặt trăng trên thì nường hư không, chắc chắn là hiện dưới đáy nước. Đây là Ứng thân đầy đủ ba thân. Văn nêu như ánh lửa, ánh lửa phải nường mặt trời, mặt trời phải nường trên hư không. Đây là Báo thân đầy đủ ba thân. Văn nêu như hóa, hóa có thuật gọi là Hóa pháp. Thuật phải ở người tức là Hóa chủ, nó biến hóa vật gọi là hóa sự. Đây tức là Pháp thân đầy đủ ba thân.

3. Tuy lại v.v... trở xuống là dùng văn kết để dung thông biệt. Kinh đã hiển bày rằng không có chướng ngại, nếu chẳng phải dùng pháp mà định ở dụ. Mỗi mỗi viên dung nói trong đây là thuyết vô chướng ngại, phải dùng ý này để dung thân tướng, khiến mỗi tướng đều nghiêm ba thân, thành tướng mật tạng.

- Là khen tướng thân, có hai: một là chia khoa giải thích kinh, có hai: một là chia khoa, hai là giải thích kinh, gồm có:

1. Là hai tướng trên.

2. Là khen Trí đoạn. Câu một, hai là nêu chung, có dụ có Pháp. Bốn câu kế là khen riêng, hai câu là Trí, hai câu là đoạn dứt biển sâu. Quán tử nói: nước từ đất ra mà chẳng chảy đi gọi là vực sâu. Ba là khen hai tướng sau, bốn là dứt lời khen, năm là hết khen hai phụ. Tướng v.v... trở xuống là nêu chung thân tướng, có ba: một là trang nghiêm chung, ba thân tướng tốt chẳng riêng Ứng thân, Báo pháp cũng thông. Như nay nêu lên rằng mắt lưới để lệ trên dưới, hai mươi tám tướng có công năng trang nghiêm chung cả ba thân. Vì thân tướng là một, mà tùy thấy thành ba. Trang nghiêm thân cha mẹ sinh. Vì người Tạng Thông chỉ nói Thiên không, tướng Phật được thấy gọi là do Chánh tập, cấu tạo mà thành tướng, chẳng phải kỳ đặc, chỉ hơn thân Luân vương một chút thôi. Vì chẳng biết tâm hiện mà thấy từ ngoài đến. Chấp giới hạn của sắc đều gọi là sinh thân. Đây là Như Lai khúc thuận, phạm tiểu mà hiện bày thân này nên gọi là Ứng thân. Thân trang nghiêm tôn đặc, là người Biệt giáo kính tin Trung đạo diệu sắc diệu tâm, tùy duyên biến tạo. Tướng Phật thấy được biết từ tâm hiện không có giới hạn. Hoặc hiện thân lớn mười Liên Hoa tạng thế giới trần tướng, hoặc hiện tám muôn bốn

ngàn tướng tốt hoặc có lúc chỉ là ba mươi hai tướng trượng sáu, khiến cơ duyên không thấy giới hạn, chẳng đồng với thân giới hạn của Tạng thông, nên gọi là Tôn đặc. Đây là do Như Lai tu đạo mà được nên gọi là Báo thân. Pháp môn trang nghiêm, vì người Viên giáo hiểu thân lớn nhỏ và tướng nhiều ít, đều là tánh sẵn có, chẳng phải do công tu đức. Tướng tuy là sắc mà sắc tức là tâm. Cho nên luận Khởi Tín nói: Sắc tánh tức trí nên gọi là Trí thân, trí tánh tức sắc nên gọi là Pháp thân. Nay từ tức trí gọi là pháp môn nên lấy tám muôn bốn ngàn Đà-la-ni làm tóc, bèn đến Định tuệ làm chân. Vì tức sắc nên được gọi là Pháp thân tướng tốt. Đây là tướng tốt tùy giải mà chuyển, nên làm cho trang nghiêm ba thân tướng ấy có khác, hai thứ trung hạ này bày riêng pháp môn. Đây là chỉ kinh trí sâu xa vô biên mà thành trí đức, trăm ngàn Tam-muội mà làm đức dứt. Hai đức này gồm thâu tất cả pháp môn trang nghiêm. Nếu người học đối với sắc tâm phân cách mà hiểu nghĩa này thì chẳng bao giờ biết Pháp thân tướng tốt. Ba văn v.v... trở xuống là văn bày viên dung. Trên đây phân biệt tướng của Pháp, Báo, Ứng vì muốn cho dễ hiểu nên phải đối với căn cơ cạn sâu hơn kém phải hiểu trước, trước chẳng biết sau. Sau phải hiểu sau, sau phải thấy trước. Trước do lấy thô trước mà diệu sau. Nay bốn vị vua trời là Đại Bồ-tát y theo viên mà khen ngợi, thấy ba thân tướng cùng ba đức diệu chẳng hai chẳng khác. Ứng là giải thoát đâu cách ngăn hai đức. Báo pháp y cứ theo mà biết muốn bày nghĩa này cho nên nói riêng không có chướng ngại. Nếu biết ý này mới là hiểu sâu Pháp môn Kim Quang minh.

3. Đầu kệ v.v... trở xuống là kết khen, có hai: một là nêu thẳng văn kinh, có hai: một là nêu văn, kết mặt trăng Phật là ba thân. Hiện văn chỉ có không cùng mặt trăng trong nước hợp với mặt trăng trên trời, có thể dụ cho ba thân, nói Phật hóa thành bốn thân, là pháp thân, diệu sắc mà Hóa pháp. Hai thân Báo, Ứng chiếu lý soi cơ mà làm Hóa chủ. Khúc Thuận cơ duyên hiện thân chín giới mà làm hóa sự. Nay dùng hóa sự hiện đủ ba thân trên nên luận bốn thân đều đủ ba, bốn. Thứ nêu một thân tức ba tức bốn, các thứ đều như thế mới gọi là vô ngại. Hai phẩm đều v.v... trở xuống là kết diệu, có hai: Một là nói trước sau, đều có ba. Ba chương là Pháp, ba thân là người. Chấp pháp làm người thì người không lìa pháp. Cho nên nói lời khác mà nghĩa đồng. Mặt trăng Phật thanh tịnh. Dùng câu kệ đầu thành ba thân nay. Ba khen trời biện dứt diệu, một là khen ba chương rằng: Kim quang minh là kinh điển mẫu nhiệm, nói lên chẳng ngang dọc. Nay kết ba thân mà nói không chướng ngại, cũng chẳng phải dọc ngang. Dùng trước dùng sau mà nói lên

khoảng giữa, mỗi câu đều nói kho bí mật. Đại Sư khen diệu ấy ở đây. Hai khoa giản Cơ ứng trên nói ba thân không có chướng ngại, nghĩa ấy sâu kín cũng lo người học ba tướng chẳng mất mà tình có phân trưng. Nay nói ba thân cho đến Sở bị đều là Pháp giới, pháp giới không ngoài, đâu có kia đây.

Một là hỏi đáp: nói ngoài pháp không sót. Nói pháp chẳng làm ra báo hay phi báo. Phi báo là Ứng.

Hỏi: Ba thân chỉ một, pháp giới đâu có Năng tác làm ra sở tác mà nói nương theo pháp, là đồng y này nương mà lại tức dụng toàn thể. Dụng lại y thể.

Một là hỏi đáp, báo tức pháp giới, ảnh là Ứng thân, phi ảnh là Hóa thân, vì hiện chín giới chẳng phải tượng Phật. Pháp giới v.v... trở xuống chú v.v... Lại nên nói Ứng là pháp giới ba đồng Bí tạng, đâu có một thân nào chẳng phải pháp giới?

- Lại cùng v.v... trở xuống là hỏi đáp: Nói ngoài cơ không ứng ba thân một thể, người hoặc tin theo, nói đối cơ phần nhiều gọi là Cảnh khác. Cho nên nay hiển bày khiến mất nghi này. Có hai: Một là chỗ lập đều hiển. Động là dụ cho căn cơ chúng sinh không thể thấy Ứng, bất động dụ cho cơ trực căn cơ thuần thực sẽ thấy ứng. Nước là dụ cho Chánh nhân. Tánh an vui tức Đại Niết-bàn đã là ba đức, tánh là diệu dụng đâu chẳng phải pháp giới. Cho nên môn Tự Tha không hai nói: Vật cơ vô lượng chẳng ngoài tam thiên, năng ứng tuy nhiều mà chẳng ngoài mười cõi vật cơ phải khế với Thân cõi không nghiêng lệch, đồng với Thường tịch quang đều là pháp giới. Nếu mê muội ý này chớ nên bàn tông ngày nay.

- Lại tịnh v.v... trở xuống là dẫn văn làm chứng, nhân cảm xuất thế do chúng sinh mà thành Phật. Người đều cùng biết bốn giáo đều như thế. Nay theo Viên mà nói mới cùng hết ý kinh. Bởi vì tánh tự tha vốn chẳng hai, mới có năng cảm và năng tư. Nhân cảm xuất thế, tức là mười cõi Cơ cảm, mười cõi là Ứng, vì chúng sinh địa ngục, và Phật địa ngục tánh chẳng hai, cho nên mới cảm thấy Ứng của địa ngục, cho đến cảm Phật cũng giống như thế. Điều tông này đã nói cảm ứng đầy đủ mười pháp giới là nói lên không hai. Nếu nghĩa chẳng thế đâu chỉ chúng sinh chẳng thể cảm Phật hay cũng mười chỗ chẳng thành pháp giới. Phải nghiên cứu kỹ, nghiên cứu kỹ. Do chúng sinh mà thành Phật, là chúng sinh năng làm thắng duyên tốt thành Phật, hoặc thuận hoặc trái đều giúp thành Phật. Mà ác nghịch thì công rất mạnh. Nếu không có Đạt-đa thì Phật đâu thành đạo. Song nếu pháp ác vốn chẳng phải Phật tánh thì

làm sao giúp Bồ-tát thành Phật. Bồ-tát chẳng quán chúng sinh là pháp giới chẳng phải Bi Đồng Thể, chẳng phải hạnh vô tác thì đâu thể thành tựu quả Bồ-đề. Nếu ngoài Phật ấy có một chúng sinh thì chẳng phải Phật pháp giới. Ngoài chúng sinh có Phật pháp giới chẳng thành, chẳng có sự hiểu này thì chưa vượt ngoài ba tạng, hướng chi là Thông biệt. Ba Phật ba kệ đáp, có hai: một là lập ý chia văn, có hai: một là lập ý, có hai: một là chánh lập pháp. Năng thành Phật là quỹ pháp của chư Phật mới thành nhân quả. Vì pháp thường cho nên chư Phật Thường, suy ra Lạc, Ngã, Tịnh cũng giống như thế.

- Bát-nhã v.v... trở xuống là dẫn chứng, pháp năng thành lập tất cả phàm thánh, vì pháp viên đủ mười pháp giới nên tùy duyên nhiễm tịnh mà thành Phàm Thánh. Phàm phu tuy mê mà trong mê ấy giả thật Y chánh không hề lìa tánh. Phải biết duyên nhiễm huân ở tánh nhiễm mới thành pháp nhiễm. Duyên tịnh huân người tịnh đều cùng biết. Tánh nhiễm tánh Tịnh thể nó vốn dung, toàn thể mà khởi, theo duyên nhiễm thì nhiễm tịnh đều nhiễm, theo duyên tịnh thì nhiễm tịnh đều tịnh. Cho nên môn Bất Nhị nói: Tam thiên ở lý đồng gọi vô minh. Tam thiên quả thành đều gọi Thường Lạc. Tánh của nhiễm tịnh là Kim quang minh. Kinh nói Diệu thể là Như Lai, nay nói là tịnh duyên, cho nên khen ngợi để đáp Thiên vương. Hai là chia văn, dụng ý giải thích văn, có ba: một là khen thể của kinh.

- Mười Lực v.v... trở xuống là khen kinh tông.

- Cho nên v.v... trở xuống là khen dụng của kinh. Ở đây mở như sau:

- Ba hạnh có cả chúng sinh mà nói sinh thiện dứt ác.

- Diêm-phù-đề v.v... trở xuống là mười hai bài rưỡi riêng y cứ về nhân vương. Nói sinh thiện dứt ác có ba:

1. Ba bài rưỡi nói nguyện dục (mong muốn).

2. Ứng đương v.v... trở xuống là ba bài rưỡi nói lập hạnh.

3. Thí như v.v... trở xuống là năm bài rưỡi nói được lợi ích. Ba là vàng này v.v... trở xuống là hai bài rưỡi y theo Thượng thánh hộ niệm nói sinh thiện dứt ác.

- Nếu có v.v... trở xuống là bốn bài rưỡi y theo Sư đệ nói nghe, nói sinh thiện dứt ác.

- Bốn vị vua vui mừng phát thệ. Kinh nói Bi Hỷ, Bi là buồn xưa chẳng được nghe, Hỷ mừng là nay được nghe. Bi là buồn người khác không nghe, Hỷ là mừng mình được nghe. Nước mắt chảy quanh. Đề là Thể, đề tức là nước mắt, ngang là giao ngang. Xưa vốn gọi hoành lưu

chẳng cần phải đổi thành chữ giao. Đại kinh cũng như thế. Vô-sám dịch thường gọi là Hoàn lưu. Bài phú Vương Xán Đăng lâu Phú nói: Buồn quê cũ cách xa, lệ chảy ngang không dứt. Di giải, Di là hòa vui, giải là cởi bỏ tan hết.

- Phẩm Đại Biện: có hai:

Một là giải thích Tên.

Hai là giải thích Đại Biện lại có:

- Pháp môn Sở trụ có hai:

1. là nói bốn biện đặt ra bốn giáo, Tạng không nói Đại mà chỉ nói Vô lậu, cho nên gọi là Tiểu Biện. Thông giáo nêu giả thuyết nói về giới nội, trần sa tám môn gọi là vô lượng biện, Biệt giáo nói về hai thứ trần sa giới nội, giới ngoại nên gọi là song biện. Viên nói mười cõi mỗi pháp đều trung, hai bên tình mất, các pháp cùng khắp, chân tục rõ ràng, ba Đế một Đế gọi là Đại Biện.

2. Thiên này v.v... trở xuống là nói pháp Sở trụ. Tối Thắng Vương nói: Thiên nữ Đại Biện tài ở trên đỉnh núi cao, cắt tranh làm nhà, kết cỏ làm áo, ngồi nhón một chân, Không, giả, Trung Trí nhất tâm mà được, phá hoặc căn bản, trang Nghiêm pháp thân, tâm đã dung thông nói được tự tại, tức tự trụ vào Đại biện.

Kế là Dĩ tự v.v... trở xuống là năng dùng bốn tất, Viên bàn sâu mầu, hay nói thô cạn tùy cơ mà trao. Không có quái ngại mới gọi là Đại Biện. Cho nên Sở đem vui để đối Ngộ mà nói bốn Tất khiến được bốn Vui cho đến bốn Ngộ. Đây thì một tất nói về bốn giáo. Cũng là bốn giáo đều có bốn ích. Thiên nữ Đại Biện Tài, có lực dụng như thế.

- Đối Phật v.v... trở xuống là nói ý phẩm.

- Giải thích văn, như sau:

- Chia văn giải thích nghĩa, có hai:

- Chia văn, có hai:

- Gia v.v... trở xuống là giải thích nghĩa, có ba:

1. Là Gia Pháp sư thêm Viên bốn biện, tự năng gồm có ba, tức bốn thứ trước có bốn mươi sáu ích. Ưu nói biện là đối với một chữ mà nói tất cả chữ, trong một lời mà nói tất cả lời, trong một pháp mà nói tất cả pháp. Tùy người được độ mà có lợi ích. Từ biện là các thứ trang nghiêm nói năng khéo léo. Nghĩa biện là biết nghĩa các pháp nơi chốn trở về. Pháp biện là trí tuệ thông suốt tên gọi các pháp.

2. Nếu có v.v... trở xuống là thêm hóa đạo. Trước thêm bốn biện là Đạo Năng hóa, nay thân người là căn cơ được hóa. Hai thứ này hòa hợp thì hóa đạo vô cùng.

3. Từ phục v.v... trở xuống là thêm nghe, kinh nói kỹ thuật. Hai là kết bày ích sâu.

Kế là Phẩm Công Đức Thiên, có hai: một là giải thích tựa đề có hai: một là giải thích công đức, trong hai Nghiêm thì đây là phước đức, phước năng giúp trí để trang nghiêm gốc lý. Trí là ba Bát-nhã, Phước là ba giải thoát, Sở hiển Sở Nghiêm tức là ba quỹ, hoặc chung hoặc riêng đều là Kim quang minh một thể này khác tên. Nên biết Đại Biện và trời Công Đức đều là chứng nhập Pháp môn Kim Quang Minh, đều nhiếp khắp tất cả pháp. Dẫn vật riêng tốt gọi là hạnh khác nhau. Ở đó nhiếp tất cả lấy trí làm đầu, ở đây nhiếp tất cả lấy phước làm đầu, năng nhiếp, sở nhiếp đối trí khác nhau. Cho nên ở thế giới này, cần gì không thiếu năng sinh chánh niệm. Tức là ở người tự dụng nghĩa sâu phá được cạn. Tức là ở đối trị khiến cho mau ngộ bản tánh Bồ-đề ở Đệ-nhất-nghĩa.

- Thử Thị v.v... trở xuống là nói ý phẩm.

- Giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có sáu: một là nguyện cung cấp bốn việc, tức trải qua chỗ nêu là y phục, ăn uống, đồ nằm, thuốc men và các thứ tài sản khác, tức là ngoài bốn việc, tất cả vật giúp sinh các vật (ruộng vườn v.v...). Hai là nói lý do phước đức, nói đời quá khứ gặp Phật tu chứng pháp môn Kim Quang Minh, nên ngày nay đối với việc hoằng kinh có mong cầu đều ban cho. Tám chữ Bảo Hoa v.v... là biệt hiệu (tên riêng) Như Lai v.v... là hiệu chung. Không luống dối gọi là Như Lai do ruộng phước gọi là Ứng Cúng, biết pháp giới gọi là Chánh Biến Tri, đủ ba minh gọi là Hạnh Túc, chẳng trở lại gọi là Thiện Thệ, biết chúng sinh cõi nước gọi là Thế Gian Giải, không ai bằng gọi là Vô Thượng Sĩ, điều phục tâm người khác gọi là Điều Ngự Trượng Phu, làm mắt cho chúng sinh gọi là Thiên Nhân Sư, biết ba nhóm gọi là Phật. Đủ mười hiệu này gọi là Thế Gian Tôn. Trồng các gốc lành là dùng trí chiếu Kim quang minh mẫu nhiệm làm gốc các điều lành. Bích là ngọc đã mài bóng rồi. Chu Lễ nói lấy ngọc xanh mà lễ trời là đó. Kha bối là vỏ ốc, ba là khuyên hãy thực hành pháp, có hai: một là khuyên bày lược, hai là khuyên bày rộng. Ở đây mở ra sáu, một là bày chỗ thường ở. Kinh nói A-ni-man-đà, dịch là có tiền của. Hai là bày xưng danh cúng dường. Ba là nói tụng trì thần chú. Bốn là nói khen chú Khuyên Trì. Quán Đảnh Chương Cú là dùng nước pháp tánh mà tưới trên đảnh Thập địa, thọ nhận chức Pháp vương. Nay ngâm nói pháp này nên gọi là Quán Đảnh, chắc chắn là đức Bát-nhã, cát tường là đức giải thoát, chân thật bất hư là đức pháp thân, dùng ba đức này mà khen ngợi nghĩa Quán Đảnh. Đẳng hạnh nghĩa là làm đủ các hạnh.

Trong gốc lành gọi là Hạnh nhất hạnh. Tám giới tức là người ở tại gia trong một ngày một đêm, đối với năm giới trên lại thêm ba giới: Chẳng đeo hoa hương, chẳng xem nghe ca múa, chẳng nằm giường cao. Đó là tám giới, chẳng ăn quá ngọ là trai. Năm là khuyên hồi hướng Bồ-đề, đó là dâng cúng và tụng mật ngôn cầu thỉnh ý. Nếu vì mình hưởng năm dục lạc mong cầu tiền của thì tức là nghiệp luân hồi, các bậc Thánh đều quả trách. Tôn Thiên thà ủng hộ khiến vì mình người mau thành Bồ-đề chỗ được chẳng phải là nhân sinh tử, nên y văn này mà tu Pháp hạnh này. Sáu là khuyên trang nghiêm nơi chốn phục vụ. A-lan-nhã, hán dịch là Vô tránh, tức chỗ ở không tranh cãi, giành giật với đời, tức là chỗ ở xa xóm làng năm dặm. Lại có Đạt-ma A-lan-nhã là nói các pháp xưa nay thanh tịnh, vì gọi chỗ ấy là pháp A-lan-nhã. Tức kinh Hoa Nghiêm trước nói A-lan-nhã là pháp Bồ-đề tràng, chỗ kinh này chỉ là bao gồm cả hai. Bốn là thế lâm ảnh hưởng, năm là yêu cầu đồng hành, sáu là riêng bày quy kính.

Hỏi: Trong đại kinh nói: Chị Công Đức là chủ, em là hắc ám theo sau, chủ nhân hữu trí cả hai đều chẳng thọ. Nay khiến phụng cúng với đó rất trái, chỗ nói hai kinh sao hòa hội được?

Đáp: Tôn Kinh lập pháp lấy bỏ nhiều đường, Đại quyền rủ hình nói lên quả báo chẳng phải một. Nó đối với hắc ám tiêu biểu cho sinh phải có chết, bốn tướng theo nhau. Đây đối với Đại Biện mà tiêu biểu phước giúp Trí, hai nghiêm cùng hiển. Bốn tướng là nói bất song khu, hai nghiêm là công lý hợp đều tiến. Phước mà có Trí thì sinh tử tự mất, Trí mà có phước thì sẽ chứng Bồ-đề. Nay là nói nghe kinh Kim Quang Minh, cho nên nhờ trời giúp vật cần dùng, phải biết nay dùng mất cả sinh tử. Tâm mở rộng kinh chiêu cảm trời Công Đức tư tài đạt được, lia ngã, ngã sở. Chị còn chẳng đấm trước, thì em há lại đến. Đây là hoàng kinh kia chuyên tu quán. Dùng xả mà nói về ích, đi ở há đồng. Lại như vua chúa, quan lớn, quan trưởng, Pháp Hoa khiến lia, Niết-bàn khiến gần. Cho nên biết lập pháp đều có Dị môn đâu vì kinh ấy hỏi chỗ mà nay nói. Bốn, Phẩm Kiên Lao Địa Thân, có hai: Một là giải thích đề, có hai: một chính là giải tên, có hai: một là Trí Sở biểu mà lập bốn Tất. Kinh Tịnh Danh nói Trí độ là mẹ Bồ-tát, phương tiện là cha, dẫn dắt tất cả chúng, đều do đây mà sinh. Trên là thiên thần, Thiên là Dương cho nên như cha, đây là Địa thần, Địa là âm cho nên như Mẹ, là một nghĩa. Cha mẹ chẳng đồng nên thuộc thế giới. Thiên Dương nên che ở trên, Địa âm nên ở dưới chở. Mãng là tên chung các loài cỏ, mộc là gọi chung các loài cây. Trí độ v.v... trở xuống là hợp dụ, các điều lành dụ

cho cỏ cây. Đều có v.v... trở xuống là như Bồ thí phá san tham, cho đến Thiên chủ phá tán. Năm thuộc nhân duyên cho nên chưa mất hết. Trí phá sinh pháp mới không có danh tướng, là bậc nhất trong phá ác, nên gọi là đối trị. Trí độ lại vốn phá lập đều mất, vì không ai trên nên gọi Đệ-nhất-nghĩa. Đây là Trí độ lập bốn Tát-đàn.

- Pháp môn Trí độ v.v... trở xuống là nêu tên bày bốn đức. Kiên lao tức là đức Thường, Địa là Lạc Tịnh, không chịu khổ nên giữ kỹ tất cả, lia nhiệm trước cho nên sinh ra vô tận. Thần là đức Ngã, oai đức lực dụng đều tự tại.

- Phẩm này v.v... trở xuống là nói ý phẩm. Hai là giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là tùy giải thích, có ba: một là thể phun vị đất, có ba: một là nói thân mình thêm lớn, có hai: một là sinh khởi tám sự, hai là tùy sự giải thích kinh nên y theo thứ lớp sinh khởi mà nêu. Kinh nói xóm làng, núi sông, dưới có nước thì gọi là đầm ao. Túc Vệ là chỉ cho túc vệ hộ, năm quả này do ăn mà được.

- Từ sông v.v... trở xuống là nói quyển thuộc thêm lớn, có hai: một là sinh khởi năm việc, hai là tùy việc mà giải thích kinh. Năm đều như sinh khởi. Kinh nói tóng quảng: Nam bắc gọi là Tung, Đông Tây gọi là quảng.

- Tùng thế v.v... trở xuống là nói Báo ân thêm lớn, có hai: một là sinh khởi sáu việc, hai là tùy sự giải thích kinh, cũng như sinh khởi.

- Phật thuật lại thành tựu, có hai: một là nêu văn, hai là tùy giải thích có hai: một là thuật lại thành tựu xoay vần thêm lớn.

1. Y cứ văn kinh v.v... trở xuống là thành nghĩa xoay vần. Cố chọn lấy v.v... trở xuống là khoa xuất thế. Ngày đêm hưởng vui là ở văn kế.

2. Nói thành tựu cúng dường thêm nhiều. Kinh nói cúng dường là ở đời người. Người này v.v... trở xuống là đến cõi trời. Nhật dạ v.v... trở xuống là xuất thế. Tuy được vui cõi trời mà ở Lạc pháp giới cho nên không có chỗ thọ. Vì thế gọi là vui sướng mẫu nhiệm không thể suy nghĩ bàn luận. Ba là phát thế hộ trì kinh, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, có ba đều như chia văn.

- Phẩm Tán Chử, có hai: một là giải đề, hai là giải thích tên, có hai:

1. Dịch tên.

2. Mật hữu v.v... trở xuống là bày nghĩa. Mật danh thuận thế giới, mật hạnh là vì người, mật Trí năng đối trị, mật lý là Đệ-nhất-nghĩa, đều y cứ ba pháp chẳng đọc, chẳng ngang, Thiên Tiểu phạm hạ không thể biết được, cho nên gọi là Đẳng, đều gọi là Mật. Chú thích rằng v.v... ý

chỉ là ở đây.

Kế là Cái thử v.v... trở xuống là nói thuộc lãnh, có hai: một là nói chỗ thuộc, có hai:

1. Chính là nói chỗ thuộc.

2. Dư có ba v.v... trở xuống là gồm nói ba tướng. Hai quản lãnh v.v... trở xuống là nói chỗ lãnh gồm:

- Là nêu Bộ số, có hai:

1. là y theo phương duy nói số. Sáu phương là bốn phương và trên trời, dưới thế gian. Bốn duy là bốn góc.

2. Lại nói v.v... trở xuống là y cứ năm Đại nói số. Năm thứ này đều có Thần chủ chấp.

- Tuần du v.v... trở xuống là chỉ bày công năng.

- Văn kinh v.v... trở xuống, là nói ý phẩm. Chú v.v... là tuy ba vị Thiên vương đều có Thần Tướng, Tán chỉ là đầu, cho nên nêu riêng tên để giải thích ý này.

- Văn v.v... trở xuống là giải thích văn, có hai: một là chia văn, hai là giải thích nghĩa, lại có:

1. Nêu kinh. Duy Nhiên, Lẽ đối gọi là Duy, đã đối gọi là A.

2. Thuật lại v.v... trở xuống là Thuật, có hai: một là tiết câu lập ý.

- Thần ký v.v... trở xuống là giải thích nghĩa chung riêng, như sau:

- Giải thích chung, lại có:

1. Y theo tên gọi mà nêu nghĩa. Chỗ làm của Đại quyền có Bản có Tích. Dùng trí chứng chân gọi đó là Bản, tùy Tình lập tục gọi đó là Tích, tuy chia ra Bản Tích nhưng chỉ lập một tên. Xưa từ Mật bản mà duỗi ra mật Tích, nay từ Mật tích mà hiển bày Mật bản, chỗ Thù tích đây là mật danh. Chỉ nói thế tục thống lãnh các thần có ở Mật mưu. Nay đối Thế Tôn kể hộ kinh đức mà phải hiển Bản. Đây là mật danh hợp nói lý trí, Hiền thánh thiên tiểu chẳng thể biết được nên gọi là mật. Tán Chỉ Bản Tích đã làm sáng tỏ ở đây, vì nghiệm bốn vương các Thiên Thần v.v... đều từ Bản mà thù Tích Hóa. Cho nên nay giải thích nói rõ nghĩa mật, đầu riêng hiển Bản Tích các trời, cũng là năng bày Thế, Tông, Dụng của kinh.

2. Nếu Trí v.v... trở xuống là y tên mà giải thích nghĩa, như sau:

- Là y theo Cảnh trí mà giải thích, có hai:

- Là giải thích, có ba: Trí là ba trí năng quán, Cảnh tức là ba đế

sở quán. Chánh là nói lên Cảnh trí chẳng phải tà, Năng Sở dung nhau,

Tà Chánh chẳng hai. Mật danh hiển Đức là ở đây. Một là năm câu đầu nói Trí mật, có hai:

- Chọn giai cấp chẳng cạn sâu. Riêng ba Trí trước là không, kể là quả, sau là Trung. Đây có thể nói nghĩa sau là nói về mật.

- Tức một v.v... trở xuống là hiển mật, có hai:

1. Là y cứ ba trí dung nhau chẳng ngoài ba, một câu đầu là một trí tức ba trí, là trí diêu không. Câu kế là ba trí tức một Trí, là Trí Diệu quả. Hai câu sau chẳng phải là ba một song chiếu ba một, là Trí Diệu Trung. Nếu chỉ các pháp là tất cả thì chưa hẳn đều đủ vì không giả Trung là tất cả, không còn dư sót.

2. Nếu được v.v... trở xuống là phụ Văn nói lên dung chứa năm câu. Tức ba Trí phối hợp giải thích như sau.

- Năm câu kế là nói Cảnh mật có hai:

Một là phân biệt chẳng phải Trí. Trí có thể nghĩ, miệng có thể nói bàn, làm sao thành mật?

Hai là không thể v.v... trở xuống là bày mật, gồm có:

1. Chính là bày. Cảnh chẳng phải ngoài Trí, đâu thể dùng trí thiên tiểu mà biết được. Đây là nói dứt nghĩ suy. Cảnh lìa danh tự đâu thể lấy các pháp danh tự mà gọi. Cảnh lìa nói năng đâu dùng bốn câu nói năng mà nói. Đây là nói dứt luận bàn.

2. Mà y cứ v.v... trở xuống là phụ văn. Trước ba Trí nói duy số chỉ mật. Nay tuy năm câu, mỗi câu đều nói không thể suy nghĩ bàn luận, tức là chỉ số chỉ mật.

3. Năm câu sau là nói chánh mật, có hai:

Một là Phân biệt chẳng phải, giới nhĩ đối đãi đều chẳng phải Trung chánh, là thô hiển pháp, mật nghĩa chẳng thành.

Hai là Tức tà v.v... trở xuống là bày mật, có hai: một là ngay lý mà bày chánh tà, trung biên thú nêu một, thấu hết các pháp, muốn cùng ai nói về đối đãi. Muốn cho hiểu rõ nên gượng nói Trung chánh.

- Dẫn kinh Tư ích mà chứng tâm có cả chân vọng, nay vì phân biệt có không mà chia. Nói phân biệt là chia ra tà chánh khác với trung biên, khiến cho các pháp chẳng chánh trong đó về lỗi đã như thế thì lợi ích rất dễ hiểu.

- Ngã hành v.v... trở xuống là kết.

- Lại đây v.v... trở xuống là y theo ba nghiệp mà giải thích. Có hai: một là giải thích. Nói một vắng, đã Trí cảnh chánh ngoại bàng hiển bày nghĩa này. Tán chỉ nay ở mật danh mà hiển bản, bản mật có ba, tức là thân, miệng, ý. Nếu chẳng thế, thì làm sao có thể thị hiện thần tướng ba

nghiệp, khiến cho chúng chẳng biết. Cho nên chưa hiển bày bản, trước chẳng phải đồng thể thì đều chẳng thể lường. Ở đây là ba mật khiến cho như thế.

- Sở dĩ v.v... trở xuống là kết. Tuy đối với ba nghiệp nói lại chẳng bày, lại là nghĩa mật. Như Tiên-đà-bà chẳng phải là điều mà vị quan có trí chẳng hiểu.

- Như thế v.v... trở xuống là kết trước sinh sau.

- Thế Tôn v.v... trở xuống là giải thích riêng. Trước đem năm câu cùng nói Trí mật. Chỉ vì Trí v.v... mà bày tên gọi mật, nên phải giải thích chung. Nay ở năm câu đầu chia đối ba quán, cho nên năm câu sau chia đối với ba thân, cho nên giải thích riêng có hai.

- Trước Đại Sư dùng ba pháp để giải thích, có hai:

- Chính là giải thích riêng, có hai: một là y theo năm câu riêng đối với ba quán, có ba:

1. nhắc lại văn bày nghĩa, thực hành quán mà giải thích. Đó là nêu hạnh bản tu của tán chỉ.

2. Biết một v.v... trở xuống là y nghĩa mà giải thích câu có hai: Một là hai câu bày cảnh, năng sinh sở sinh đều nói tất cả pháp. Như mười hai chi đều là năng sinh, đều là Sở sinh giúp năng sinh. Năng sinh là nhân, năng tư hay giúp là duyên, nhân duyên chẳng hết, sinh pháp vô cùng đây đều là cảnh Sở quán.

3. Rõ một v.v... trở xuống là ba câu bày ba quán, lại có:

Một là câu quán không, hiểu rõ hư vô, đều từ nhân duyên không có thật, tánh là đối, lìa danh tướng nên là vô. Rốt ráo không thật có mới gọi là liễu pháp.

Hai là biết pháp v.v... trở xuống là câu kế nói quán giả, hiểu rồi không có tánh tướng gọi là biết không, chẳng ngại duyên khởi gọi là phi không, dùng tất cả Đạo mà khởi tất cả chủng gọi là Trí đạo chủng, Trí này phân biệt mười cõi giả danh hải ấn sum la mà có khác nhau. Viết chữ Vô là lầm.

